

**CHÍNH SÁCH CỦA VIỆT NAM VỚI MỸ VÀ QUAN HỆ
VIỆT - MỸ NHỮNG NĂM ĐẦU THẾ KỶ XXI: THỰC TRẠNG VÀ TRIỂN
VỌNG**

PGS. TS. Hà Mỹ Hương

Viện Quan hệ quốc tế,

Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh

Lịch sử hơn nửa thế kỷ qua cho thấy các nước lớn, nhất là các nước lớn trong khu vực Châu Á – Thái Bình Dương đã luôn có ảnh hưởng (hoặc tích cực, hoặc tiêu cực) đến đời sống chính trị, kinh tế - xã hội Việt Nam, nên bất luận thế nào các nước lớn cũng luôn chiếm vị trí quan trọng trong chính sách đối ngoại của nước ta. “Mặc dù trước sau như một chúng ta luôn phấn đấu cho sự bình đẳng giữa các quốc gia, song có một thực tế là *các nước và các trung tâm lớn* vẫn đóng vai trò rất quan trọng trong thế giới ngày nay, kể cả đối với an ninh và sự phát triển của nước ta, do đó chúng ta không thể không dành mỗi quan tâm thoả đáng tới quan hệ với họ”.¹ Trước bối cảnh quốc tế và khu vực Châu Á – Thái Bình Dương từ sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc đến nay đã rất mới và rất khác trước và trong sự nghiệp xây dựng đất nước với mục tiêu cụ thể là “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh” mà Việt Nam đang tiến hành, chúng ta lại càng cần có quan hệ tốt với các nước lớn, tất nhiên là phải theo thông lệ và luật pháp quốc tế.

Vậy chính sách của Việt Nam với một nước lớn cụ thể, một quốc gia đang đóng vai trò hầu như chi phối đời sống quan hệ quốc tế sau Chiến tranh lạnh, tức là với Mỹ, đã được điều chỉnh như thế nào? Trong quan hệ giữa Việt Nam và Mỹ tới những năm gần đây đã đạt được những thành tựu lớn nào và có những vấn đề gì còn tồn tại? Việt Nam cần làm gì để thúc đẩy và cải thiện hơn nữa quan hệ hợp tác với Mỹ? Đó là những nội dung chính mà chúng tôi đi vào phân tích trong bài viết này.

I. Chính sách với Mỹ của Việt Nam và thực trạng quan hệ Việt - Mỹ những năm đầu thế kỷ XXI

1. Chính sách với Mỹ của Việt Nam, hay vị trí của Mỹ trong chính sách đối ngoại đối mới của Việt Nam

¹ Vũ Khoan, *20 năm đổi mới trên lĩnh vực đối ngoại*, Báo Nhân dân, ngày 16/11/2005, tr.5

Sau khi bắt đầu sự nghiệp đổi mới, trong đó có đổi mới tư duy về quan hệ đối ngoại, Việt Nam đã chủ trương chuyển chính sách với Mỹ từ đối đầu sang hợp tác và đấu tranh trong cùng tồn tại hoà bình. Bước chuyển này trong chính sách với Mỹ trước hết xuất phát từ tư duy mới, nhận thức mới của ĐCSVN về tình hình quốc tế, về cục diện quan hệ quốc tế đã và đang thay đổi cuối thập niên 80 của thế kỷ XX. Có thể tóm lược một số khía cạnh đáng chú ý như sau. *Thứ nhất*, sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu tác động sâu sắc đến toàn bộ tình hình thế giới. Cuộc khủng hoảng của phong trào cộng sản lại càng thêm nghiêm trọng; phong trào độc lập dân tộc, phong trào đấu tranh cho dân sinh, dân chủ của giai cấp công nhân và nhân dân lao động ở các nước tư bản gặp khó khăn. Trật tự thế giới hai cực chấm dứt, chuyển sang thời kỳ quá độ tiến tới một trật tự thế giới mới, nhưng rất khó dự báo. *Thứ hai*, cách mạng khoa học – công nghệ tới lúc này đã đạt được những thành tựu kỳ diệu, đóng vai trò rất quan trọng trong đời sống quốc tế, mở ra khả năng cho các nước đi sau, kém phát triển hơn có thể tận dụng những thành tựu đó phục vụ cho mục tiêu phát triển của quốc gia mình. *Thứ ba*, nhìn chung hầu hết các nước lớn nhỏ trên thế giới đều đã điều chỉnh chính sách đối ngoại theo hướng tạo dựng môi trường bên ngoài thuận lợi để tham gia hiệu quả vào quá trình hợp tác, liên kết, hội nhập quốc tế. *Thứ tư*, nhận thức rõ hơn và chính xác hơn thế mạnh và điểm yếu, tiềm lực, sức mạnh quốc gia tổng hợp thực sự của đất nước ta trong so sánh với các nước trong khu vực và trên thế giới.

Với tư duy đối ngoại mới đó và xuất phát từ yêu cầu đổi mới toàn diện mà Nghị quyết Đại hội VI đã nêu, tháng 8-1988, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VI đã đánh giá tình hình quốc tế và khu vực, kiểm điểm với tinh thần thực sự cầu thị hoạt động đối ngoại trong thời gian hơn 10 năm kể từ ngày nước nhà thống nhất, trên cơ sở đó thông qua Nghị quyết 13, nhấn mạnh chủ trương "thêm bạn, bớt thù", "kiên quyết và chủ động chuyển cuộc đấu tranh từ tình trạng đối đầu hiện nay sang đấu tranh và hợp tác trong cùng tồn tại hoà bình". Nghị quyết 13 cũng đã kiểm điểm, rút kinh nghiệm trong chính sách của Việt Nam với Mỹ, rằng "chúng ta đã bỏ lỡ cơ hội bình thường hoá quan hệ với Mỹ"². Nghị quyết 13 xác định chủ trương của Đảng là đấu tranh thúc đẩy từng bước việc bình thường hoá quan hệ giữa Việt Nam và Mỹ. Nghị quyết 13 chỉ rõ: "Chúng ta cần có chính sách mới toàn diện đối với Mỹ nhằm tranh thủ dư luận nhân dân Mỹ và thế giới,...tạo điều kiện thuận lợi cho ta tập trung giữ vững hoà bình và phát triển kinh tế"³.

² PGS, TS. Nguyễn Xuân Sơn, TS. Nguyễn Văn Du (chủ biên), *Chiến lược đối ngoại của các nước lớn và quan hệ với Việt Nam trong hai thập niên đầu thế kỷ XXI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.206

³ Dẫn theo PGS, TS. Nguyễn Xuân Sơn, TS. Nguyễn Văn Du (chủ biên), *Sách đã dẫn*, tr. 206

Trong tình hình quốc tế đầu thập niên 90 diễn biến bất lợi, tháng 6/1991 Đảng ta họp Đại hội lần thứ VII, đề ra đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, rộng mở "đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ quốc tế" với phương châm "Việt Nam muốn là bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển".⁴ Đại hội VII xác định: "Nhiệm vụ đối ngoại trong thời gian tới là giữ vững hòa bình, mở rộng quan hệ hữu nghị và hợp tác, tạo điều kiện quốc tế thuận lợi cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội".⁵ Trên cơ sở đường hướng đổi mới chính sách đối ngoại tổng thể đó, Đại hội VII xác định bình thường hoá quan hệ với Mỹ là một chủ trương đối ngoại quan trọng, đáp ứng nguyện vọng của đông đảo nhân dân hai nước, có lợi cho hoà bình, ổn định và phát triển ở khu vực. Đảng ta quan niệm việc cải thiện quan hệ với Mỹ chẳng những tạo cơ hội cho nước ta tiếp cận một cường quốc có thị trường lớn, tiềm lực kinh tế, khoa học – công nghệ mạnh, mà còn góp phần tạo dựng một môi trường quốc tế hoà bình, ổn định, tạo thuận lợi cho nước ta có thể tập trung các nỗ lực vào thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ chiến lược là phát triển kinh tế. Chính vì vậy, chính sách của Việt Nam trong quan hệ với Mỹ luôn nhấn mạnh nội dung hợp tác kinh tế - thương mại, khoa học - kỹ thuật. Hơn nữa, nếu quan hệ với Mỹ được cải thiện theo hướng tăng cường mặt hợp tác sẽ giúp Việt Nam có điều kiện thuận lợi hơn để cải thiện và thúc đẩy quan hệ của Việt Nam với các nước khác; để nâng cao hơn vị thế của nước ta trên trường quốc tế; để thu hút sự quan tâm hơn của cộng đồng quốc tế đến Việt Nam. Mặt khác, việc cải thiện và xử lý tốt các lĩnh vực quan hệ với Mỹ cũng nằm trong việc triển khai thực hiện một phương châm đối ngoại mới - phương châm cân bằng trong quan hệ với các nước lớn, trước hết là các nước lớn khu vực Châu Á – Thái Bình Dương. Có thể thấy lợi ích của Việt Nam liên quan đến tất cả các nước lớn, và họ cũng đều có lợi ích nhiều mặt và khá lớn ở khu vực này và đều muốn gia tăng ảnh hưởng ở khu vực này. Nhưng tất nhiên trước hết Việt Nam phải bình thường hoá quan hệ với tất cả các nước lớn, mà quan hệ với Mỹ (và Trung Quốc) là quan trọng nhất, thì mới tạo ra điều kiện tiên quyết để thực hiện phương châm cân bằng quan hệ với các nước lớn theo hướng tranh thủ mặt hợp tác, hạn chế mặt kiềm chế trong chính sách của những nước này với Việt Nam.

⁴ ĐCSVN, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1991, tr.147

⁵ ĐCSVN, *Sách vừa dẫn*, tr. 146

Về phía Mỹ, việc bình thường hoá quan hệ và thúc đẩy hợp tác với Việt Nam vừa xuất phát từ nhu cầu nội tại của nước Mỹ, nhất là nhu cầu thoát khỏi “hội chứng Việt Nam” đang chia rẽ xã hội Mỹ, vừa do tác động của các nhân tố quốc tế sau Chiến tranh lạnh, vừa nằm trong sự điều chỉnh chiến lược toàn cầu sau Chiến tranh lạnh nói chung, với khu vực Châu Á – Thái Bình Dương và Đông Nam Á nói riêng của Mỹ. Có được mối quan hệ bình thường với Việt Nam - quốc gia vừa có vị trí địa - chiến lược quan trọng, vừa nhiều tiềm năng phát triển - là đáp ứng lợi ích nhiều mặt của Mỹ không những trong các mối quan hệ song phương Mỹ - Việt mà cả trong các mối quan hệ đa phương và song phương khác của Mỹ ở khu vực Đông Nam Á, Châu Á – Thái Bình Dương.

Chính do nhu cầu, lợi ích và cả những tính toán của cả hai bên trong việc bình thường hoá quan hệ như vậy mà ngày 12 tháng 7 năm 1995 Việt Nam và Mỹ đã chính thức tuyên bố thiết lập quan hệ ngoại giao bình thường với nhau, và sự kiện này trở thành “đấu mốc quan trọng trong lịch sử phát triển quan hệ hai nước và là một đóng góp đáng kể đối với tiến trình hoà bình, hợp tác và phát triển ở trong khu vực và trên thế giới”⁶. Từ đây khởi đầu một giai đoạn phát triển mới, một trang sử mới trong quan hệ giữa hai quốc gia, hai dân tộc từng đối đầu trực tiếp với nhau trong một cuộc chiến tranh mang đậm dấu ấn của thời kỳ Chiến tranh lạnh.

2. Thực trạng quan hệ Việt – Mỹ những năm đầu thế kỷ XXI

Kể từ khi quan hệ Việt - Mỹ được bình thường hoá, quan hệ hợp tác giữa hai nước ngày càng phát triển, đã có những bước tiến dài và khá nhanh, nhưng tiến triển nhanh nhất là những năm đầu thế kỷ XXI.

Trên lĩnh vực chính trị - ngoại giao, những năm đầu sau khi hai bên trao đổi đại sứ (5/1997), chưa có các cuộc thăm viếng chính trị cấp cao nhất giữa Việt Nam và Mỹ. Chính vì vậy, chuyến thăm chính thức Việt Nam vào tháng 11/2000 của Tổng thống Mỹ B. Clinton là sự kiện chính trị - ngoại giao có ý nghĩa lớn và nhiều mặt, mở ra một giai đoạn phát triển mới cho quan hệ Mỹ - Việt. Đáng chú ý là trong những năm gần đây, hai bên đã trao đổi khá thường xuyên các chuyến thăm viếng chính thức cấp cao nhất. Về phía Việt Nam, đó là các chuyến thăm Mỹ của Thủ tướng chính phủ Phan Văn Khải (6/2005), của Chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết (6/2007), của Thủ tướng chính phủ Nguyễn Tấn Dũng (6/2008). Về phía Mỹ, sau chuyến thăm của Tổng thống B. Clinton tháng 11/2000 là chuyến thăm chính thức

⁶ PGS, TS. Nguyễn Xuân Thắng, Bình thường hoá và phát triển mối quan hệ hợp tác Việt Nam và Hoa Kỳ trong quá trình đổi mới đất nước, *T/c Những vấn đề kinh tế và chính trị thế giới*, số 11(139), tháng 11/2007, tr. 32

Việt Nam của Tổng thống G. Bush tháng 11/2006 (nhân dịp dự Hội nghị cấp cao APEC lần thứ 14 tại Hà Nội). Cùng với các chuyến thăm và làm việc cấp nguyên thủ là các chuyến thăm của các Phó thủ tướng, các Bộ trưởng các Bộ khác nhau của Việt Nam và các Bộ trưởng hay các phái viên của Mỹ, các quan chức quốc hội, chính quyền, đoàn thể, các tổ chức phi chính phủ,... Những chuyến thăm và làm việc các cấp này nhìn chung đều đã góp phần vào mục đích đưa quan hệ Việt - Mỹ trên lĩnh vực chính trị - ngoại giao cũng như các lĩnh vực quan hệ song phương khác lên tầm cao hơn, giúp khép lại những trang sử chiến tranh đầy bi thương đối với nhân dân cả hai nước. Trong bản “*Tuyên bố chung giữa Hợp chủng quốc Hoa Kỳ và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*” được ký gần đây nhất nhân chuyến thăm Mỹ của Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng tháng 6/2008, Thủ tướng Việt Nam Nguyễn Tấn Dũng và Tổng thống Mỹ G. Bush nhất trí đánh giá: “Quan hệ Việt Nam – Hoa Kỳ được xây dựng trên cơ sở mối quan hệ hữu nghị tích cực và đang phát triển, tôn trọng lẫn nhau và cùng cam kết hợp tác nhiều mặt mang tính xây dựng trên nhiều vấn đề để góp phần làm sâu rộng quan hệ vì lợi ích lâu dài của hai nước. Hai nhà lãnh đạo cũng chia sẻ tầm nhìn và mục tiêu hướng tới một khu vực Châu Á – Thái Bình Dương ổn định, an ninh, dân chủ, hoà bình”.⁷ Tiếp nối kết quả hợp tác đã đạt được từ sau khi bình thường hoá quan hệ, trong chuyến thăm và làm việc mới nhất này của Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng, lãnh đạo hai nước Việt - Mỹ nhất trí mở rộng hợp tác kinh tế - thương mại, giáo dục – đào tạo, khoa học – công nghệ; mở rộng, tăng cường, nâng cấp cơ chế đối thoại của các quan chức cấp cao của hai bên về các vấn đề chính trị, quốc phòng, an ninh và các lĩnh vực khác. Tóm lại, cũng như những khẳng định đã được đưa ra trong các chuyến thăm cấp cao nhất gần đây, hai nhà lãnh đạo hai nước nhất trí đưa “*quan hệ đối tác xây dựng, hữu nghị, hợp tác nhiều mặt trên cơ sở bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau và cùng có lợi*” Việt - Mỹ phát triển lên một bước mới trên nền tảng sâu rộng, ổn định vững chắc và hiệu quả hơn vì lợi ích của nhân dân hai nước, vì hoà bình, an ninh, ổn định và hợp tác phát triển ở Đông Nam Á và Châu Á.

Tuy nhiên, quan hệ Việt - Mỹ trên lĩnh vực chính trị - ngoại giao cho đến nay vẫn còn tiềm ẩn những nhân tố gây căng thẳng, chủ yếu do sự khác biệt chế độ chính trị và do phía Mỹ thường sử dụng các chiêu bài dân chủ, nhân quyền và tự do tôn giáo làm nguyên cớ và phương tiện để can thiệp vào công việc nội bộ của Việt Nam nhằm “chuyển hoá” Việt Nam theo hệ giá trị Mỹ. Chính vì vậy, có thể nói trong cục diện vừa hợp tác, vừa đấu tranh

⁷ *Tuyên bố chung Việt Nam – Hoa Kỳ*, <http://vietnamnet.vn/chinhtri/2008/06/790526/>

của quan hệ Việt - Mỹ, trong sâu xa mặt đấu tranh với Mỹ của Việt Nam trên lĩnh vực chính trị - ngoại giao lớn hơn mặt hợp tác.

Lĩnh vực thành công nhất trong quan hệ Việt - Mỹ là *kinh tế - thương mại*. Điều này nằm trong chủ trương, chính sách của Việt Nam khi bắt đầu xúc tiến các quan hệ với Mỹ là lấy nội dung hợp tác kinh tế - thương mại làm trọng điểm, trọng tâm của các mối quan hệ Việt - Mỹ. Trên thực tế từ sau khi bình thường hoá quan hệ, các quan hệ kinh tế - thương mại, đầu tư giữa Việt Nam và Mỹ bắt đầu phát triển khá nhanh. Đặc biệt, sau nhiều vòng đàm phán, thương thảo, ngày 13/7/2000, hai nước Việt - Mỹ đã chính thức ký *Hiệp định thương mại song phương* (BTA). BTA được ký là sự kiện rất đáng chú ý và rất quan trọng trong quan hệ kinh tế - thương mại Việt - Mỹ, bởi đây là khung pháp lý cần thiết và rõ ràng, tạo cơ sở nền tảng để xúc tiến quan hệ hợp tác kinh tế - thương mại Việt - Mỹ đi vào chiều sâu và đảm bảo hài hoà lợi ích của hai bên. Những sự kiện quan trọng tiếp sau là việc Việt Nam gia nhập WTO (tháng 11/2006) và việc Mỹ công bố cấp cho Việt Nam *Quy chế thương mại bình thường vĩnh viễn* (PNTR – 11/2006). Trên thực tế từ sau khi BTA có hiệu lực, quan hệ Việt - Mỹ trên lĩnh vực này tiến rất nhanh và nhanh hơn so với các quan hệ kinh tế song phương với các nước khác của Việt Nam. Điều rất đáng chú ý nữa là từ hơn 10 năm nay (1997 - 2008), Việt Nam luôn xuất siêu sang Mỹ với kim ngạch ngày càng tăng, nhất là từ sau khi BTA có hiệu lực (10/12/2001). Tốc độ và quy mô tăng trưởng thương mại Việt - Mỹ những năm qua vượt quá dự đoán của nhiều chuyên gia kinh tế: Nếu như năm 1995 (năm bình thường hoá quan hệ), kim ngạch ngoại thương hai chiều mới đạt 451,3 triệu USD (trong đó Việt Nam nhập khẩu 252,5 triệu, xuất khẩu 198,8 triệu USD), thì đến năm 2002 (năm đầu tiên sau BTA) đã là 2,975 tỷ USD (trong đó Việt Nam xuất khẩu 2,395 tỷ, nhập khẩu 580,2 triệu USD); năm 2007 lên tới 12,20 tỷ USD (trong đó Việt Nam xuất khẩu 10,30 tỷ, nhập khẩu 1,90 tỷ USD)⁸; 6 tháng đầu năm 2008 xuất khẩu của Việt Nam vào Mỹ đã đạt giá trị bằng xuất khẩu vào Mỹ cả năm 2006 (gần 8,5 tỷ USD).⁹ Kể từ khi BTA được ký kết đến nay, quan hệ thương mại hai nước đã tăng 8 lần, và Mỹ hiện là một trong những đối tác thương mại lớn nhất của Việt Nam.

Về đầu tư, những sự kiện mới nhất là trong chuyến thăm chính thức tới Mỹ tháng 6/2007 của Chủ tịch nước Trần Đức Lương, Việt Nam và Mỹ đã ký *Hiệp định khung về thương mại và đầu tư* (TIFA). Hiệp định này là sự mở rộng của BTA, được đánh giá là ghi

⁸ Nguồn: *Tổng cục thống kê Mỹ* (<http://www.Census.gov/foreign-trade>)

⁹ Nguồn: <http://vietnamnet.vn/chinhtri/2008/06/790349/>

một cột mốc hợp tác song phương mới, tạo thuận lợi hơn cho các nhà đầu tư Mỹ ở Việt Nam và cho việc tăng cường thương mại Việt - Mỹ. Còn trong chuyến thăm Mỹ tháng 6/2008 của Thủ tướng chính phủ Việt Nam Nguyễn Tấn Dũng, Thủ tướng Việt Nam và Tổng thống Mỹ đã nhất trí rằng “quan hệ kinh tế là quan trọng đối với quan hệ song phương Việt - Mỹ”; “Hoa Kỳ và Việt Nam sẽ khởi động đàm phán Hiệp định Đầu tư song phương” (BIT), thể hiện sự cam kết của hai bên về đối xử công bằng, không phân biệt và minh bạch đối với đầu tư nước ngoài”.¹⁰ Tổng thống Mỹ cũng khẳng định Mỹ đang tích cực xem xét đề nghị của Việt Nam được tham gia Chương trình Ưu đãi Thuế quan Phổ cập (GSP) và về việc công nhận Quy chế thị trường cho Việt Nam. Mỹ hiện là nhà đầu tư thứ 6 trong tổng số hơn 80 nước và vùng lãnh thổ đang đầu tư vào Việt Nam, với 396 dự án tổng trị giá 6,7 tỷ USD từ năm 2002 đến nay.¹¹ Có thể nói, trong bức tranh tổng thể quan hệ song phương Việt - Mỹ, lĩnh vực kinh tế - thương mại và đầu tư là mảng màu sáng nhất, đạt được những thành quả hợp tác lớn nhất và thiết thực nhất.

Tuy nhiên, ngay cả trong lĩnh vực này, quan hệ Việt - Mỹ cũng đã và đang gặp phải những khó khăn, trở ngại chủ quan và khách quan nhất định. Cho đến nay Mỹ chỉ “đang xem xét tích cực”, chứ chưa công nhận kinh tế Việt Nam là nền kinh tế thị trường, vẫn thường có những cáo buộc rằng Việt Nam bán phá giá một số mặt hàng sang Mỹ. Những tranh chấp thương mại vẫn xảy ra trong quan hệ Việt - Mỹ. Sự chênh lệch về trình độ phát triển giữa Việt Nam và Mỹ là rất lớn, *một mặt*, tạo cơ hội cho Việt Nam có thể tận dụng thời cơ thuận lợi để khai thác thế mạnh của Mỹ, và đi liền với đó là phải ra sức xây dựng cho được nguồn nhân lực chất lượng cao, đổi mới, hoàn thiện các thể chế kinh tế - thương mại để tự nâng cao nội lực, lấy đó làm cơ sở bền vững đưa nền kinh tế nước nhà đi lên; *mặt khác*, làm cho Việt Nam gặp phải nhiều khó khăn, trở ngại, rào cản kỹ thuật lớn, khó cạnh tranh khi xúc tiến các quan hệ kinh tế - thương mại với các nhà đầu tư, các doanh nghiệp Mỹ. Điều đáng nói nữa là mặc dù kim ngạch xuất siêu cao của Việt Nam trong quan hệ với Mỹ là điều đáng mừng, nhưng cơ cấu hàng xuất khẩu của Việt Nam có giá trị gia tăng thấp, nghĩa là chưa mang lại hiệu quả kinh tế cao và độ rủi ro còn khá lớn. Về nhập khẩu, hàng nhập khẩu từ Mỹ vào Việt Nam tăng rất chậm cũng đang là vấn đề, nếu không nói đây là điểm yếu lớn, vì như vậy có nghĩa chúng ta chưa tận dụng được thiết bị kỹ thuật và công nghệ của Mỹ phục vụ cho sự tăng trưởng kinh tế theo chiều sâu. Ngoài ra, dù quan hệ kinh

¹⁰ Tuyên bố chung Việt Nam – Hoa Kỳ, <http://vietnamnet.vn/chinhtri/2008/06/790526/>

¹¹ Nguồn: <http://vietnamnet.vn/chinhtri/2008/06/790349/>

tế Việt - Mỹ phát triển rất nhanh và Mỹ hiện đang là nước có vốn tài trợ ODA lớn nhất thế giới, nhưng kể cả trong những năm gần đây, vốn ODA của Mỹ dành cho Việt Nam vẫn rất nhỏ, và Mỹ chưa bao giờ nằm trong số 10 nhà tài trợ ODA lớn nhất ở Việt Nam.

Quan hệ Việt - Mỹ trong các lĩnh vực khác như giáo dục – đào tạo, khoa học - kỹ thuật, y tế, môi trường, văn hoá – xã hội,... có những bước phát triển đáng ghi nhận và đáng mừng. Sự hợp tác giữa các tổ chức chính phủ và phi chính phủ Mỹ với Việt Nam trong các nỗ lực giải quyết vấn đề ô nhiễm môi trường, dịch bệnh hiểm nghèo, xoá đói giảm nghèo,... ngày càng tăng. Số sinh viên và nghiên cứu sinh Việt Nam sang Mỹ học tập, số người Mỹ du lịch sang Việt Nam và số Việt kiều từ Mỹ về thăm quê, gửi ngoại hối, đầu tư hay xúc tiến các quan hệ kinh tế - thương mại ở Việt Nam cũng ngày càng tăng. Ngoài ý nghĩa kinh tế, những hoạt động này còn làm tăng cường sự hiểu biết và tình hữu nghị giữa nhân dân hai nước Việt - Mỹ. Ngay cả trong lĩnh vực quân sự - an ninh một lĩnh vực vốn khá nhạy cảm, quan hệ Việt - Mỹ cũng có những tiến triển theo hướng cởi mở hơn, hợp tác nhiều hơn cả trong quan hệ song phương lẫn trong các cơ chế, các diễn đàn đa phương ở khu vực và quốc tế, nhất là trong các vấn đề chống khủng bố quốc tế, tội phạm xuyên quốc gia, an ninh môi trường, an ninh lương thực, v.v..

II. Một số nhận xét và dự báo triển vọng quan hệ Việt - Mỹ trong những thập niên đầu thế kỷ XXI

1. Một số nhận xét về quan hệ Việt - Mỹ

Nhìn lại sự vận động của mối quan hệ Việt - Mỹ từ trong lịch sử đến hiện tại một khách quan, có thể thấy đây là mối quan hệ có khá nhiều nét đặc thù so với các quan hệ song phương khác của Việt Nam. Nếu như Nghị quyết 8 BCH TƯ Đảng khoá XI đưa ra khái niệm “đối tác” và “đối tượng” trong quan hệ đối ngoại của Việt Nam, thì có nhà lãnh đạo cho rằng: “Mỹ là một “đối tượng quan hệ đặc biệt” của Việt Nam vì lịch sử quan hệ hai nước là “không bình thường””¹². (Có lẽ nên thêm một vế nữa, rằng Mỹ còn là một “đối tác đặc biệt” của Việt Nam). Có thể nêu lên một số đặc thù trong quan hệ Việt - Mỹ như sau:

Thứ nhất, về lịch sử, đây là mối quan hệ giữa hai quốc gia “cự thù”. Cuộc chiến tranh kéo dài mấy thập niên giữa Việt Nam và Mỹ không đơn giản là một cuộc chiến tranh nóng giữa một nước “đế quốc to” và một nước nhỏ. Đây là cuộc đối đầu mang đậm màu sắc ý thức hệ giữa hai hệ thống thế giới đối lập nhau, một cuộc chiến khốc liệt giữa một bên là một siêu cường TBCN muốn dùng vũ lực với sức mạnh áp đảo áp đặt hệ giá trị của mình lên

¹² PGS, TS. Nguyễn Xuân Sơn, TS. Nguyễn Văn Du (chủ biên), *Sách đã dẫn*, tr. 208

đổi thủ, với bên kia là ý chí của một dân tộc, của một nước nhỏ quyết tâm bằng mọi giá bảo vệ nền độc lập tự chủ giành được bằng xương máu của nhiều thế hệ; bảo vệ con đường, định hướng phát triển mà họ đã lựa chọn. Mặc dù cuộc chiến tranh Việt Nam đã lùi vào quá khứ và Việt Nam chủ trương “gác lại quá khứ, hướng tới tương lai” (một cựu chiến binh, nay là nhà hoạt động xã hội Mỹ nói rằng “chủ trương “gác lại quá khứ, hướng tới tương lai” mà Việt Nam đang thực hiện là một đạo lý hiếm hoi trong quan hệ quốc tế”), song dù muốn hay không, hậu quả và những di chứng mà cuộc chiến tranh này để lại không thể không ít nhiều ảnh hưởng đến quan hệ Việt - Mỹ, kể cả từ khi bình thường hoá đến nay.

Thứ hai, xét về vị thế quốc tế, quan hệ Mỹ - Việt là quan hệ giữa siêu cường thế giới duy nhất sau Chiến tranh lạnh, nước lớn đứng đầu hệ thống TBCN thế giới với một nước XHCN không lớn, nhưng trước sau như một vẫn kiên định, tự tin và tự chủ đi con đường của mình, hơn thế nữa còn đã ngày càng gặt hái được nhiều thành công hơn trong sự nghiệp đổi mới và hội nhập quốc tế cũng như trong việc nâng cao vị thế quốc tế của mình. Đặc thù này làm cho tính chất vừa hợp tác, vừa đấu tranh (của Việt Nam) hay kiềm chế (của Mỹ) trong quan hệ Việt - Mỹ nổi rõ hơn so với các quan hệ song phương của Việt Nam với các nước lớn khác.

Thứ ba, về chính trị - tư tưởng, đây là quan hệ giữa hai nhà nước dân tộc có mục tiêu *chiến lược* đối kháng nhau: Mục tiêu chiến lược của Việt Nam là xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, còn mục tiêu chiến lược của Mỹ là chuyển hoá các nước còn khác biệt về thể chế chính trị với Mỹ vào quỹ đạo của Mỹ, đi theo hệ giá trị của Mỹ nói riêng, hệ giá trị, hệ tư tưởng tư bản chủ nghĩa nói chung. Chính đặc thù này đã làm cho mặt đấu tranh trong quan hệ Việt - Mỹ luôn thường trực và không hiếm khi gay gắt.

Thứ tư, về kinh tế, đây là quan hệ giữa một nền kinh tế thị trường khổng lồ và rất phát triển với một nền kinh tế đang trong quá trình chuyển đổi, tiềm lực còn nhỏ nhưng lại giàu tiềm năng phát triển. Đặc thù này làm cho mặt hợp tác trong quan hệ Việt - Mỹ nổi trội hơn mặt đấu tranh, mặt cơ hội lớn hơn mặt thách thức, vì cả hai bên đều có nhu cầu tận dụng mặt có lợi cho mình trong đối tác, đều muốn thúc đẩy mặt hợp tác vì lợi ích quốc gia của mỗi nước. Điều này cũng dễ hiểu: Về phía Việt Nam, ngay từ đầu Việt Nam đã xác định hợp tác kinh tế là trọng tâm trong quan hệ với Mỹ. Về phía Mỹ, với tư duy và chính sách đối ngoại nổi tiếng thực dụng, người Mỹ thường ít khi bỏ qua những cơ hội có thể mang lại lợi ích cho họ. “Người Hoa Kỳ vẫn thường nói “không có ai cho không ai cái gì cả” – there is

“no free lunch”¹³. Kết quả là quan hệ Việt - Mỹ trên lĩnh vực kinh tế - thương mại gặt hái được những thành công nổi bật hơn các lĩnh vực quan hệ song phương khác.

Những đặc thù nêu trên làm cho quan hệ Việt - Mỹ khác hơn về tính chất cũng như tầm quan trọng so với quan hệ giữa Việt Nam và các nước lớn khác (trước hết là các nước lớn khu vực Châu Á - Thái Bình Dương). Vì vậy có thể nói trong danh sách và thứ bậc quan hệ của Việt Nam với các nước lớn, quan hệ với Mỹ là mối quan tâm lớn nhất và quan trọng nhất xét theo cả hai mặt: thuận lợi và khó khăn, thời cơ và nguy cơ. Có nhà khoa học còn cho rằng: “Xét trong hệ thống các quan hệ quốc tế của Việt Nam, quan hệ Việt - Mỹ có tầm quan trọng đặc biệt, Mỹ là đối tác chiến lược số 1 có khả năng và tiềm năng tác động hơn bất kỳ đối tác nào khác đến chất lượng môi trường quốc tế của Việt Nam”¹⁴.

2. Dự báo triển vọng quan hệ Việt - Mỹ và một vài khuyến nghị về chính sách của Việt Nam với Mỹ

Trước hết cần lưu ý rằng quan hệ Việt - Mỹ sẽ vận động như thế nào trong những thập niên đầu của thế kỷ XXI không chỉ tùy thuộc vào sự vận động của các nhân tố chính trị, kinh tế - xã hội bên trong từng nước Việt - Mỹ, vào ý muốn chủ quan hay ý chí của lãnh đạo và nhân dân hai nước, mà còn phụ thuộc vào những diễn biến của tình hình thế giới, của khu vực Châu Á – Thái Bình Dương và cả của khu vực Đông Nam Á. Thế mà tất cả những nhân tố bên trong từng nước và các nhân tố quốc tế đều là những *nhân tố động*, nghĩa là mỗi một nhân tố này đều đang vận động và có thể biến đổi, thay đổi nhiều hay ít tùy thuộc vào mức độ tương tác giữa chúng. Do vậy, khi dự báo triển vọng vận động của quan hệ Việt - Mỹ cần phải xem xét thực trạng và xu hướng vận động của các nhân tố bên trong từng nước Việt - Mỹ cũng như xu hướng vận động của các nhân tố quốc tế. Về phần mình, sau khi phân tích thực trạng các nhân tố nêu trên và căn cứ vào xu hướng vận động của các nhân tố này, tác giả xin đưa ra một số dự báo về triển vọng của quan hệ Việt - Mỹ trong những thập niên đầu thế kỷ XXI như sau:

Thứ nhất, quan hệ Việt - Mỹ sẽ vận động theo hướng thiết lập “*quan hệ đối tác xây dựng, hữu nghị, hợp tác nhiều mặt trên cơ sở bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau và cùng có lợi*” với tính chất vừa hợp tác, vừa đấu tranh, hay chính xác hơn là thông qua hợp tác và đấu tranh. Cần thấy rằng mô hình và tính chất quan hệ Việt - Mỹ như trên mới chỉ là cam kết hay quyết tâm của lãnh đạo hai nước Việt - Mỹ hiện nay, chứ chưa phải là hiện thực. Nói

¹³ TS. Đỗ Đức Định, *Quan hệ kinh tế Việt Nam – Hoa Kỳ*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2000, tr. 172

¹⁴ Dẫn theo Đỗ Đức Định, *Sách đã dẫn*, tr. 181

một cách cụ thể và chính xác hơn, trong quan hệ với Việt Nam, Mỹ chưa thật sự “*dựa trên cơ sở bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau*”. Điều này thuộc bản chất của nền chính trị Mỹ nói chung, của giới cầm quyền Mỹ nói riêng ở hầu như tất cả mọi thời đại, nên có thể nói là rất khó thay đổi. Hơn nữa, thẳng thắn mà nói, về thực chất rất khó có được sự bình đẳng giữa nước lớn, mạnh với nước nhỏ, yếu. Vì vậy, có lẽ trước hết các nước nhỏ yếu hơn phải đấu tranh cho sự *công bằng* trong quan hệ với các nước lớn mạnh hơn. Đối với Việt Nam, Mỹ sẽ tiếp tục vừa là *đối tượng* mà Việt Nam phải đấu tranh, trước hết trên lĩnh vực chính trị - tư tưởng, vừa là *đối tác hợp tác* trong nhiều lĩnh vực, trước hết là kinh tế - thương mại. Hơn nữa, do đặc thù của mối quan hệ Việt - Mỹ, nên trong mỗi lĩnh vực quan hệ song phương đều đang tồn tại cả hai mặt hợp tác và đấu tranh. Nghĩa là quan hệ Việt - Mỹ trong tương lai vẫn mang tính chất vừa hợp tác, vừa đấu tranh (của Việt Nam) hay kiểm chế (của Mỹ). Song có thể dự báo về tổng thể, xu hướng vận động của quan hệ Việt - Mỹ trong vài thập niên tới là hướng tới xây dựng một khung quan hệ ổn định dựa trên cơ sở những lợi ích song trùng, vì điều này đáp ứng mong muốn của cả hai bên, có lợi cho cả hai bên.

Thứ hai, quan hệ kinh tế - thương mại Việt - Mỹ sẽ tiếp tục phát triển và sẽ ngày càng ổn định nhờ những Hiệp định kinh tế - thương mại, đầu tư,... đã được hai nước ký kết và chắc chắn sẽ còn ký thêm những Hiệp định mới nữa. Đây sẽ là những ràng buộc pháp lý đưa quan hệ Việt - Mỹ đi vào nề nếp và phát triển ổn định hơn. Quan hệ kinh tế đã, đang và chắc sẽ vẫn là trục trung tâm của toàn bộ các quan hệ giữa Việt Nam và Mỹ. Hợp tác kinh tế đã và sẽ luôn là trụ cột quan trọng, lợi ích kinh tế cũng đã và sẽ là động lực chủ yếu thúc đẩy sự phát triển quan hệ đối tác Việt - Mỹ lên tầm cao mới. Sự ràng buộc ngày càng chặt chẽ về lợi ích kinh tế giữa Việt Nam và Mỹ sẽ trở thành nhân tố quan trọng góp phần hoá giải những bất đồng, mâu thuẫn giữa hai nước hiện nay. Có thể dự báo rằng quan hệ Việt - Mỹ trên lĩnh vực chính trị - ngoại giao sẽ cởi mở hơn, thân thiện hơn; mặt hợp tác trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, khoa học - kỹ thuật, công nghệ sẽ được tăng cường hơn cả bề rộng lẫn chiều sâu.

Tuy nhiên, tất cả những điều nêu trên mới chỉ là dự báo, chỉ là triển vọng, nhiều khi là ước mơ. Để những dự báo hay những ước mơ trở thành hiện thực, cần phải có những chiến lược, chính sách vừa thể hiện một tầm nhìn chiến lược, dài hạn, vừa mang tính cụ thể, thiết thực. Sau đây là một vài khuyến nghị chính sách của Việt Nam với Mỹ:

- Do vai trò, vị trí rất quan trọng của Mỹ trong cục diện chính trị, an ninh, kinh tế thế giới, nên Việt Nam cần chú trọng hơn nữa các biện pháp thúc đẩy mặt hợp tác với Mỹ trên

mọi lĩnh vực qua tất cả các kênh đối ngoại. Cần xem việc thúc đẩy tăng cường quan hệ hợp tác cùng có lợi với Mỹ và các nước lớn khác là một trong những *định hướng chiến lược đối ngoại* hàng đầu của đất nước. Tuy nhiên, cũng cần hết sức tỉnh táo rằng quá đề cao những lợi ích mà Việt Nam có được từ quan hệ với Mỹ, ngay cả trong lĩnh vực kinh tế - thương mại, là một sai lầm và ảo tưởng. Những thách thức đối với Việt Nam đã, đang và sẽ còn rất lớn ngay cả trên lĩnh vực kinh tế thuần túy, chứ chưa nói đến các lĩnh vực khác. Do vậy, Việt Nam vừa phải coi trọng việc thúc đẩy quan hệ hợp tác toàn diện với Mỹ, vừa phải tăng cường hơn nữa ngoại giao đa phương, đồng thời cố gắng tìm mọi cách tạo lập, củng cố và nâng cao vai trò, vị thế của mình trong các quan hệ song phương khác, trong các tổ chức hợp tác, liên kết quốc tế lớn nhỏ, trước hết là trong ASEAN. Việt Nam phải tích cực, chủ động hơn nữa trong việc thúc đẩy quá trình hợp tác, liên kết ASEAN nhằm xây dựng ASEAN thành một tổ chức liên kết khu vực chặt chẽ và hiệu quả. Đứng một mình, Việt Nam dù có thể rất phát triển cũng khó có thể trở thành một cực, nhưng một ASEAN vững mạnh, liên kết chặt chẽ chắc chắn sẽ trở thành một cực quan trọng trong trật tự đa cực đang hình thành và sẽ được xác lập trong tương lai. Điều này có lợi cho cả Việt Nam lẫn ASEAN trong quan hệ với Mỹ.

- Trong các chính sách cụ thể trên các lĩnh vực khác nhau với Mỹ, cần chú trọng hơn nữa các biện pháp, giải pháp khai thác hiệu quả những thế mạnh của Mỹ và thế mạnh mà Việt Nam đã có trong quan hệ với Mỹ. Để có những giải pháp, biện pháp, chính sách đúng đắn và hiệu quả, cần đầu tư nhiều hơn cho việc nghiên cứu đối tác để hiểu rõ hơn ý đồ, mục tiêu, mục đích, thủ thuật, thủ đoạn ngoại giao của đối tác, từ đó có phương sách ứng xử, ứng phó đúng đắn trong từng lĩnh vực cụ thể, trường hợp cụ thể. Phải tích cực hơn nữa trong các cách thức, biện pháp tháo gỡ bế tắc, trở ngại từ phía Việt Nam, có sách lược mềm dẻo, linh hoạt “*ứng vạn biến*” trong từng vấn đề cụ thể. Cần chủ động và tích cực hơn trong việc đưa những thoả thuận gần đây nhất (6/2008) giữa Thủ tướng Việt Nam và Tổng thống Mỹ về “*mở rộng, tăng cường, nâng cấp cơ chế đối thoại của các quan chức cấp cao của hai bên về các vấn đề chính trị, quốc phòng, an ninh và các lĩnh vực khác*” đi vào hoạt động thực tiễn của quan hệ song phương. Chỉ có thông qua hoạt động của những cơ chế đối thoại như thế này mới có thể hoá giải những thông tin sai lệch, những luận điệu xuyên tạc, bóp méo, những hiểu lầm và nghi kỵ không đáng có trong quan hệ Việt - Mỹ. Mặt khác, cũng phải hết sức thận trọng, tỉnh táo, nhìn xa trông rộng trong việc thông qua các quyết sách, chủ trương, chính sách lớn với Mỹ, hết sức tránh vì những lợi ích trước mắt và lợi ích kinh tế cục bộ mà

làm tổn hại đến lợi ích lâu dài, lợi ích cao nhất của dân tộc là xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

- Điều vô cùng quan trọng nữa là mặc dù “Hoa Kỳ là nền kinh tế hàng đầu, có vai trò dẫn dắt và chi phối các tiến trình phát triển của thế giới”, nên “quan hệ với Hoa Kỳ trên ý nghĩa nào đó, đồng nghĩa với quan hệ quốc tế như một tổng thể”¹⁵, nhưng Việt Nam cũng nên xác lập cho được mối quan hệ cân bằng giữa Mỹ và các nước lớn khác, không “nhất biên đảo” ngả theo Mỹ hoặc nước lớn khác nào đó, cũng không đi với nước này để chống lại nước kia. Bài học từ quan hệ với các nước lớn trong quá khứ của Việt Nam đến nay vẫn mang ý nghĩa thời sự cấp thiết. Thực hiện chính sách cân bằng trong quan hệ với các nước lớn hoàn toàn không có nghĩa là đánh đồng các mối quan hệ với tất cả các nước lớn, hoặc thực hiện chính sách trung lập, theo “chủ nghĩa trung dung”, có thái độ “ba phải”, mà là không thụ động chịu tác động hay sự lôi kéo của bất cứ nước lớn nào, nhất là cố gắng tránh cho bằng được việc trở thành con bài trong tay các nước lớn.

- Để có thể thực hiện được phương châm cân bằng trong quan hệ với các nước lớn, cần quán triệt thấu đáo tinh thần độc lập tự chủ, đổi mới nhận thức về độc lập tự chủ. Độc lập tự chủ trong chính sách đối ngoại là tự chủ quyết định đường lối (chính trị - ngoại giao, kinh tế đối ngoại), những chủ trương, những ưu tiên quan hệ đối ngoại, thứ bậc ưu tiên, hành động, biện pháp đối ngoại, nhân lực đối ngoại, hay tự chủ trong lộ trình, các bước, các lĩnh vực tham gia quá trình hội nhập quốc tế, v.v.. Độc lập tự chủ phải thể hiện ở chỗ tất cả những hoạt động này đều phải dựa trên cơ sở đặt lợi ích quốc gia lên vị trí hàng đầu và sao cho bảo đảm mục tiêu xây dựng một nước Việt Nam “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”. Thực hiện đường lối đối ngoại độc lập tự chủ và phương châm cân bằng trong quan hệ với các nước lớn càng trở nên cần thiết trong bối cảnh quan hệ giữa các nước lớn thường không ổn định, thường diễn biến phức tạp, khó dự báo. Những thay đổi, điều chỉnh trong quan hệ giữa các nước lớn bao giờ cũng kéo theo hệ quả là mức độ tác động, mức độ ảnh hưởng đến các quan hệ đối ngoại của họ cũng thay đổi, gây khó khăn, thậm chí nguy cơ cho các nước nhỏ yếu hơn. Vì vậy, trong quan hệ với các nước lớn nói chung, với Mỹ nói riêng, Việt Nam dù là nước nhỏ yếu hơn cũng phải luôn luôn nêu cao ngọn cờ độc lập tự chủ, phải đặt lợi ích quốc gia lên vị trí hàng đầu, “lấy lợi ích dân tộc làm

¹⁵ PGS, TS. Nguyễn Xuân Thắng, Bình thường hoá và phát triển mối quan hệ hợp tác Việt Nam và Hoa Kỳ trong quá trình đổi mới đất nước, *T/c Những vấn đề kinh tế và chính trị thế giới*, số 11(139), tháng 11/2007, tr. 39

ơ sở cho mọi quyết sách đối ngoại”,¹⁶ đồng thời cố gắng tìm ra mẫu số chung trong lợi ích của nước ta và các nước lớn.

- Suy cho cùng, điều mang ý nghĩa quan trọng và quyết định nhất là Việt Nam phải bằng mọi cách, mọi biện pháp, huy động mọi nguồn lực để trước hết gia tăng nội lực, sức mạnh quốc gia tổng hợp (cả “sức mạnh cứng” lẫn “sức mạnh mềm”), để sao cho phát huy tối đa mặt thuận lợi, tận dụng tối ưu những cơ hội, giảm thiểu những khó khăn, đẩy lùi những nguy cơ có thể đến từ quan hệ với Mỹ. Nói cách khác, chỉ có thể bằng hiệu quả hoạt động của các nhân tố chủ quan thì Việt Nam mới khắc phục được những khó khăn, đẩy lùi hoặc triệt tiêu được những nguy cơ và mới biến những cơ hội thuận lợi trong quan hệ với Mỹ thành hiện thực.

TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

1. Ban Tư tưởng- Văn hoá trung ương, Vụ tuyên truyền và hợp tác quốc tế, *Đối ngoại Việt Nam thời kỳ đổi mới*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, 388 tr.
2. ĐCSVN, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1986, 247 tr.
3. ĐCSVN, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1991, 171 tr.
4. ĐCSVN, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, 251 tr.
5. Ban tư tưởng – văn hoá trung ương, *Tài liệu nghiên cứu Văn kiện Đại hội IX của Đảng*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, 356 tr.
6. ĐCSVN, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, 376 tr.
7. TS. Đỗ Đức Định, *Quan hệ kinh tế Việt Nam – Hoa Kỳ*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2000, 198 tr.
8. Vũ Khoan, 20 năm đổi mới trên lĩnh vực đối ngoại, *Báo Nhân dân*, ngày 14/11/2005, tr. 3 và 16/11/2005, tr.3, 5

¹⁶ Phạm Gia Khiêm, Đối ngoại Việt Nam năm 2007 – Góp phần thiết thực cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, *T/c Cộng sản*, số 784 (2/2008), tr.17

9. Phạm Gia Khiêm, Đối ngoại Việt Nam năm 2007 – góp phần thiết thực cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, *T/c Cộng sản*, số 784 (2/2008), tr.17 – 23
10. PGS, TS. Nguyễn Xuân Sơn, TS. Nguyễn Văn Du (chủ biên), *Chiến lược đối ngoại của các nước lớn và quan hệ với Việt Nam trong hai thập niên đầu thế kỷ XXI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, 267 tr.
11. PGS, TS. Nguyễn Xuân Thắng, Bình thường hoá và phát triển mối quan hệ hợp tác Việt Nam và Hoa Kỳ trong quá trình đổi mới đất nước, *T/c Những vấn đề kinh tế và chính trị thế giới*, số 11(139), tháng 11/2007, tr. 32 – 44
12. Thông tấn xã Việt Nam, *Chiến lược an ninh quốc gia 2006 của Hợp chủng quốc Hoa Kỳ*, Tài liệu tham khảo số 8 – 9/2006, 87 tr.
13. TS. Nguyễn Vũ Tùng, *Quan hệ đối tác chiến lược trong quan hệ quốc tế: Từ lý thuyết đến thực tiễn*, Học viện Quan hệ quốc tế, Hà Nội, 2006, 179 tr.
14. Văn phòng Nhà Trắng, *Chiến lược an ninh quốc gia cho thế kỷ mới*, Nhà Trắng (Hoa Kỳ), Tháng 12 năm 1999 (Bản tiếng Việt, 134 tr.)